

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN
RỪNG VIỆT NAM**

Số: 76 /VNFF-BĐH
V/v xây dựng bản đồ dữ liệu chi trả
dịch vụ môi trường rừng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2017

Kính gửi: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng các tỉnh, Thành phố

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng trên phạm vi cả nước và cấp tỉnh để phục vụ cho việc quản lý chỉ đạo điều hành, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam đề nghị Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng các tỉnh, Thành phố cùng phối hợp thực hiện với những thông tin cụ thể như sau:

- 1. Yêu cầu:** Theo phụ lục đính kèm.
- 2. Thời hạn gửi:** trước 30/7/2017.
- 3. Thông tin hỗ trợ:** Ông Lê Sỹ Doanh, theo số điện thoại: 0988.352.033; email: lesydoanh@ifee.edu.vn.
- 4. Kinh phí xây dựng:** Từ nguồn kinh phí quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh;
- 5. Tổng hợp biên tập:** Quỹ Trung ương sẽ chịu trách nhiệm tổng hợp biên tập thành bản đồ chi trả DVMTR trên phạm vi cả nước và cấp tỉnh.

Quỹ Trung ương rất mong nhận được sự phối hợp của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng các tỉnh, Thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- Lưu: VT, BĐH



Lê Văn Thanh

Yêu cầu cung cấp dữ liệu phục vụ xây dựng bản đồ phân vùng mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam

(Đính kèm văn bản số: **4/VNFF-BĐH**, ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

I. Hệ thống bản đồ

1. Lớp bản đồ Ranh giới các lưu vực đang thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh gồm cả lưu vực liên tỉnh và lưu vực nội tỉnh. Bao gồm các trường dữ liệu: số thứ tự, tên lưu vực, tên nhà máy, loại đối tượng (nhà máy thủy điện, nhà máy nước), mức chi trả năm 2014, mức chi trả năm 2015, mức chi trả năm 2016.

Stt	Tên trường	Ký hiệu	Dạng dữ liệu	Độ rộng trường	Số số lẻ thập phân	Ghi chú
1	Số thứ tự	stt	Interger			
2	Tên lưu vực	tenlv	Character	150		
3	Tên nhà máy	tennm	Character	200		
4	Loại đối tượng	loaidt	Character	50		TD: thủy điện, NMN: nhà máy nước
5	Mức chi trả năm 2014	muc2014	Interger			
6	Mức chi trả năm 2015	muc2015	Interger			
7	Mức chi trả năm 2016	muc2016	Interger			

2. Lớp bản đồ Vị trí các nhà máy thủy điện và nhà máy nước đang sử dụng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh. Bao gồm các trường dữ liệu: số thứ tự, tên lưu vực, tên nhà máy, loại đối tượng (nhà máy thủy điện, nhà máy nước).

Stt	Tên trường	Ký hiệu	Dạng dữ liệu	Độ rộng trường	Số số lẻ thập phân	Ghi chú
1	Số thứ tự	stt	Interger			
2	Tên lưu vực	tenlv	Character	150		
3	Tên nhà máy	tennm	Character	200		
4	Loại đối tượng	loaidt	Character	50		TD: thủy điện, NMN: nhà máy nước

3. Lớp bản đồ Hiện trạng rừng đang được sử dụng để chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng. Bao gồm các trường dữ liệu: số thứ tự, tỉnh, huyện, xã, mã tỉnh, mã

huyện, mã xã, tiểu khu, khoảnh, lô, trạng thái rừng, loài cây trồng, năm trồng, quy hoạch 3 loại rừng, chủ quản lý (chủ rừng nhóm 1, chủ rừng nhóm 2), diện tích.

Stt	Tên trường	Ký hiệu	Dạng dữ liệu	Độ rộng trường	Số số lẻ thập phân	Ghi chú
1	Số thứ tự	stt	Interger			
2	Tỉnh	tin	Character	100		
3	Huyện	huyen	Character	100		
4	Xã	xa	Character	100		
5	Mã tỉnh	matinh	Interger			
6	Mã huyện	mahuyen	Interger			
7	Mã xã	maxa	Interger			
8	Tiểu khu	tk	Interger			
9	Khoanh	khoanh	Interger			
10	Lô	lo	Interger			
11	Trạng thái rừng	ldlr	Character	50		
12	Loài cây trồng	Sldlr	Character	100		
13	Năm trồng	namtr	Interger			
14	Quy hoạch 3 loại rừng	3lr	Character	50		DD: đặc dụng, PH: phòng hộ, SẢN XUẤT: sản xuất
15	Chủ quản lý	chuql	Character	250		
16	Diện tích	dtich	Decimal	12	2	

4. Lớp bản đồ về Quy hoạch 3 loại rừng của toàn tỉnh. Bao gồm các trường dữ liệu: số thứ tự, tỉnh, huyện, xã, mã tỉnh, mã huyện, mã xã, tiểu khu, khoảnh, lô, quy hoạch 3 loại rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất), trạng thái rừng, loài cây trồng, năm trồng, chủ quản lý (chủ rừng nhóm 1, chủ rừng nhóm 2), diện tích.

Stt	Tên trường	Ký hiệu	Dạng dữ liệu	Độ rộng trường	Số số lẻ thập phân	Ghi chú
1	Số thứ tự	stt	Interger			
2	Tỉnh	tin	Character	100		
3	Huyện	huyen	Character	100		
4	Xã	xa	Character	100		
5	Mã tỉnh	matinh	Interger			
6	Mã huyện	mahuyen	Interger			
7	Mã xã	maxa	Interger			
8	Tiểu khu	tk	Interger			
9	Khoanh	khoanh	Interger			
10	Lô	lo	Interger			
11	Quy hoạch 3	3lr	Character	50	DD: đặc	DD: đặc

Stt	Tên trường	Ký hiệu	Dạng dữ liệu	Độ rộng trường	Số số lẻ thập phân	Ghi chú
	loại rừng				dụng, PH: phòng hộ, SẢN XUẤT: sản xuất	dụng, PH: phòng hộ, SẢN XUẤT: sản xuất
12	Trạng thái rừng	ldlr	Character	50		
13	Loài cây trồng	Sldlr	Character	100		
14	Năm trồng	namtr	Interger			
15	Chủ quản lý	chuql	Character	250		
16	Diện tích	dtich	Decimal	12	2	

5. Lớp bản đồ ranh giới chủ quản lý (ranh giới chủ rừng nhóm 1 và nhóm 2). Bao gồm các trường dữ liệu: số thứ tự, chủ quản lý (chủ rừng).

Stt	Tên trường	Ký hiệu	Dạng dữ liệu	Độ rộng trường	Số số lẻ thập phân
1	Số thứ tự	stt	Interger		
2	Chủ quản lý	chuql	Character	250	

6. Lớp bản đồ hiện trạng chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (áp dụng đối với các tỉnh không tiến hành chi trả theo từng lưu vực): trên đó khoanh rõ và thể hiện các vùng chi trả, thông tin về mức chi trả cho từng vùng. Bao gồm các trường dữ liệu: số thứ tự, tên vùng chi trả, mức chi trả năm 2014, mức chi trả năm 2015, mức chi trả năm 2016.

Stt	Tên trường	Ký hiệu	Dạng dữ liệu	Độ rộng trường	Số số lẻ thập phân
1	Số thứ tự	stt	Interger		
2	Tên vùng chi trả	vungctr	Character	250	
3	Mức chi trả năm 2014	muc2014	Interger		
4	Mức chi trả năm 2015	muc2015	Interger		
5	Mức chi trả năm 2016	muc2016	Interger		

II. Hệ thống dữ liệu

Đề nghị các Quỹ tỉnh cung cấp thông tin về mức chi trả trên địa bàn từng tỉnh theo mẫu biểu sau:

Stt	Tỉnh	Huyện	Xã	Tên lưu vực	Tên nhà máy	Mức chi trả năm 2014	Mức chi trả năm 2015	Mức chi trả năm 2016	Ghi chú
1	Son La	Mường La	Ngọc Chiến	Thủy điện Sơn La	Thủy điện Sơn La	300.000	400.000	500.000	
2									
3									
...									

Đồng thời các Quỹ gửi kèm bản photo (hoặc Scan qua email) các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của tỉnh các năm 2014, 2015, 2016.

III. Thông tin liên hệ

Đề nghị các Quỹ tỉnh cung cấp thông tin về: họ và tên, chức vụ, số điện thoại, email của cán bộ phụ trách cập nhật và cung cấp số liệu theo mẫu.

Stt	Quỹ tỉnh	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Son La	Nguyễn Văn A	Cán bộ kỹ thuật	0988....	nguyenvana@gmail.com	
2						
....						

Các dữ liệu được tập hợp dưới dạng bản số (ghi vào đĩa DVD, CD hoặc USB) gửi về Quỹ Bảo vệ phát triển rừng Việt Nam theo địa chỉ: Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội. Đồng thời gửi qua email theo địa chỉ: lesydoanh@ifee.edu.vn hoặc buinguyenphuky@gmail.com. Mọi khó khăn, vướng mắc xin liên hệ với cán bộ phụ trách dữ liệu Ông Lê Sỹ Doanh, theo số điện thoại: 0988.352.033.